

Bản án số: 49/2018/HNGĐ- ST  
Ngày 31-07-2018  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con giữa chị L1 và anh T1.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tông.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Bá Đăng;
2. Bà Phạm Hồng Thiêm.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Diệu Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hoàn- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2018; các Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2018; số 29/2018/QĐST-HNGĐ 04/7/2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị L1, sinh năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Tạm trú: Thôn L, xã T4, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1988, Địa chỉ: Thôn K, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- lần thứ ba.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 19/12/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Vũ Thị L1 trình bày: Tháng 11/2016, chị và bị đơn là anh Phạm Văn T1 được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi chị sinh con thì anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn; được Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22, ngày 31/7/2017. Đến tháng 8/2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp; khi mâu thuẫn, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ làm ăn và sinh sống, con chung để lại cho anh T1. Từ đó đến nay, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu nhau, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị có nguyện vọng ly hôn anh T1. Hiện nay chị không mang thai. Về con chung: Vợ chồng có hai

con chung là Phạm Đức S1, sinh ngày 02/4/2017, Phạm Đức S2, sinh ngày 02/4/2017; hiện cả hai con chung đều sinh sống với anh T1. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung; không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T1 nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Ông Phạm Văn L2 là bố đẻ anh Tùng trình bày: Anh T1 đã nhận thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh nhưng anh làm ăn ở xa nên không đến Tòa án làm việc được. Ông cho biết anh T1 thống nhất với ý kiến của chị L1 về việc kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng, về con chung; về việc vợ chồng không có tài sản chung; anh đồng ý ly hôn, yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

Do anh T1 vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đúng quy định của pháp luật. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị L1 ly hôn anh T1. Về con chung: Giao hai con chung là Phạm Đức S1 và Phạm Đức S2 cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng; chị L1 không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Chị L1 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị L1 phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:** Bị đơn được triệu tập hợp lệ, đã được giao các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa làm việc, không có văn bản ghi ý kiến gửi về Tòa án, không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn, cho Tòa án. Như vậy, xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải theo quy định tại Khoản 1; Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự được. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2]. Về quan hệ hôn nhân:** Việc kết hôn giữa chị L1 và anh T1 là tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp hòa giải nên mâu thuẫn trở nên trầm trọng; hiện nay, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị L1- anh T1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị L1 ly hôn anh T1.

**[3]. Về con chung:** Do anh T1 vắng mặt, chị L1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; cả hai con chung đều

dưới 36 tháng tuổi nên cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng; không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T1.

**[4].Về tài sản chung:** Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

**[5].Về án phí:** Nguyên đơn là chị L1 phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 228; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Vũ Thị L1 ly hôn anh Phạm Văn T1.

**2. Về con chung:** -Xử giao hai con chung Phạm Đức S1, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2017, Phạm Đức S1, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2017 cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung:** Nguyên đơn không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị L1 phải nộp toàn bộ 300.000,đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001323 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị L1 đã nộp đủ án phí.

**5.Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T2, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Tông**